



## Tổ chức hoạt động dạy và học

## theo hướng phát triển năng lực cho học sinh - sinh viên



□ LÊ TRUNG KIỆT\*

**D**ề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam (giai đoạn 2006 - 2020) đã đề cập đến những vấn đề cốt yếu: “Triển khai một cuộc vận động đổi mới dạy và học ở đại học theo quan niệm mới về mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học nhằm tạo nên con người có các tiềm năng: Để học tập sáng tạo; Để phát triển cá nhân gắn kết với xã hội; để tìm và tạo việc làm. Đổi mới phương pháp dạy và học theo các phương châm: Dạy cách học; phát huy tính chủ động của người học; tận dụng công nghệ thông tin và truyền thông mới”<sup>(1)</sup>.

Tổ chức hoạt động dạy và học theo hướng phát triển năng lực cho học sinh - sinh viên (HS - SV) có thể có nhiều phương thức. Trong bài viết này chúng tôi quan tâm đến một số phương thức sau đây:

1. Xây dựng “động cơ học tập” cho HS - SV thông qua việc xác định “mục tiêu học phần”;
2. Sử dụng các thao tác thường trực của phương pháp dạy học tích cực;
3. Tăng cường học tập cá thể và phối hợp với học tập hợp tác;
4. Tăng cường hướng dẫn SV tự học.

\* *Quỹ Tài Năng Trẻ thuộc Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam*

## **1. Xây dựng “động cơ học tập” cho HS - SV thông qua việc xác định “mục tiêu học phần”**

Khoa học sư phạm đưa ra bốn nhân tố của động cơ học tập: (1) Mục đích đề ra, (2) Nỗ lực học tập của bản thân, (3) Mong muốn đạt được mục tiêu đã đề ra, (4) Có thái độ, hành vi đúng đắn trong học tập. Mặc dù, về mặt lý thuyết của giáo dục học, không đồng nhất động cơ học tập với mục tiêu học phần, nhưng trong thực tiễn xây dựng “động cơ học tập” của học phần cần rất nhiều yếu tố (cả về mặt chủ quan: bản thân người học có tâm huyết, có chí hướng và cả về mặt khách quan: khắc phục, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, đầu tư mọi điều kiện tốt nhất để đạt được mục đích đã đề ra từ trước), trong đó, không thể không hướng đến mục tiêu học phần. Ví dụ, học phần “Tiếng Việt thực hành” của Chương trình Dự án đào tạo giáo viên THCS - số hiệu LOAN 1718 - VIE (SF) có 5 chương (chương I: Luyện kỹ năng tạo lập văn bản, chương II: Luyện kỹ năng xây dựng đoạn văn, chương III: Luyện kỹ năng đặt câu trong văn bản, chương IV: Luyện kỹ năng dùng từ trong văn bản, chương V: Luyện kỹ năng chính tả tiếng Việt). Trên cơ sở đó, bốn nhân tố trên đây, theo hai tác giả Bùi Minh Toán và Nguyễn Quang Ninh cần hiện thực hóa “động cơ học tập” trong từng chương thành “mục tiêu cần đạt” và “kiến thức cần có”. Ví dụ, chương I và chương II sau đây:

Chương I: Luyện kỹ năng tạo lập văn bản:

\* Mục tiêu cần đạt: Sau khi học tập và rèn luyện chương này, SV cần đạt được những mục tiêu chính sau đây:

- Có kỹ năng tạo lập được một văn bản liên kết và mạch lạc về nội dung và hình thức thuộc những phong cách ngôn ngữ khác nhau;

- Biết cách phát hiện và sửa lỗi cho một đề cương, một đoạn văn hoặc một văn bản về nội dung và hình thức.

\* Kiến thức cần có: Để học tốt chương I,

SV cần có những kiến thức phổ thông về:

- Khái niệm về văn bản, đề cương văn bản;  
- Khái niệm về phương tiện liên kết và phép liên kết trong văn bản;

- Khái niệm về lập luận trong văn bản;  
- Khái niệm về phong cách ngôn ngữ văn bản.

Chương II: Luyện kỹ năng xây dựng đoạn văn.

\* Mục tiêu cần đạt: Sau khi học tập và rèn luyện chương II, SV cần đạt được những mục tiêu chính sau đây:

- Có kỹ năng tạo lập được một đoạn văn theo những kiểu kết cấu khác nhau;

- Biết cách tách thành một đoạn văn khi tạo lập văn bản;

- Biết cách liên kết và chuyển đoạn trong văn bản.

\* Kiến thức cần có: Để học tập tốt chương II, SV cần nắm được những kiến thức phổ thông về:

- Khái niệm đoạn văn trong văn bản;  
- Một số phương tiện liên kết và phép liên kết trong văn bản;

- Một số cơ sở chính thường được sử dụng để tách đoạn trong văn bản<sup>(2)</sup>.

Có thể khẳng định cạm phạm trừ: “Mục tiêu cần đạt” và “Kiến thức cần có” trong 5 chương của học phần “Tiếng Việt thực hành” trên đây đã đạt được yêu cầu tương thích và khả thi với mong muốn “cắm cái cọc vào nghề để chống nước trôi xuôi”.

## **2. Sử dụng các thao tác thường trực của phương pháp dạy học tích cực**

Quy trình viết và giảng thông thường ngược chiều nhau. Quy trình viết thường theo phương pháp Diễn dịch, còn quy trình giảng với Khoa học Sư phạm thường theo phương pháp Quy nạp.

Các nhà sư phạm chú trọng đến bộ môn Giáo học pháp đều có chung nhận xét: Một thực trạng cho đến nay sự chuyển biến về phương

pháp dạy học (PPDH) trong các loại hình nhà trường vẫn còn đâu đó cách dạy học truyền thống: thầy thông báo các kiến thức có sẵn trong giáo trình, tài liệu học tập hiện hành mà không cần biết đó có chuẩn kiến thức hay không, trò thu nhận chúng một cách thụ động, trở thành con một sách, kẻ nô lệ của kiến thức (?!).

Do đó, các thao tác thường trực: So sánh, đối chiếu, nêu vấn đề, dẫn dắt, gợi mở, đối thoại, đề xuất cách giải quyết luôn luôn là đòn bẩy của PPDH tích cực - Lấy người học làm trung tâm, không áp đặt một chiều. Trong đó, các thao tác: So sánh, đối chiếu, nêu vấn đề giữ vai trò quan trọng bước đầu đặt tình huống sư phạm cho người học tư duy phản biện; các thao tác còn lại: dẫn dắt, gợi mở, đối thoại, đề xuất cách giải quyết giữ vai trò quyết định trong việc người học đưa ra kết luận nhận thức của mình. Chẳng hạn, các thao tác thường trực này được áp dụng trong các tình huống sư phạm sau đây:

Tình huống 1: Dạy về từ láy trong học phần “Tiếng Việt - THSP Mầm non” được tiến

hành qua các bước:

\* Bước 1: Đặt tình huống có vấn đề cho giáo sinh tư duy phản biện. Giảng viên cho hai định nghĩa về từ láy trái ngược nhau để so sánh, đối chiếu.

Định nghĩa 1: Từ láy là những từ gồm hai tiếng trở lên được cấu tạo bằng cách tiếng đi sau láy lại tiếng đi trước.

Định nghĩa 2: Từ láy là những từ gồm hai tiếng trở lên, là phương thức láy, láy bộ phận hay láy toàn phần của tiếng gốc.

\* Bước 2: Giảng viên dẫn dắt, gợi mở, đối thoại, đề xuất cách giải quyết theo phương pháp Quy nạp.

- Giảng viên hỏi: Từ “bối rối” là từ ghép nghĩa hay từ láy âm? Vì sao?

- Giáo sinh đáp: Từ “bối rối” là từ láy âm. Vì “rối” là tiếng gốc (mang ý nghĩa từ vựng), “bối” là tiếng láy lại.

- Giảng viên hỏi: Từ “bối rối” là từ láy bộ phận hay láy toàn phần?

- Giáo sinh đáp: Từ “bối rối” là từ láy bộ



phận (lấy phần vần của tiếng gốc).

- Giảng viên hỏi: Để phân biệt thanh hỏi và thanh ngã trong từ láy, bạn thường dùng mẹo luật chính tả nào? Cho ví dụ?

- Giáo sinh đáp: Em thường dùng mẹo luật chính tả: “Em Huyền mang Nặng Ngã đau - Anh Ngang Sắc thuốc Hỏi đầu bớt chưa”. Ví dụ: tròn trĩnh, đẹp đẽ/ run rẩy, ngổ ngẩn, v.v...

- Giảng viên hỏi: Trong hai định nghĩa trên, định nghĩa nào đúng, định nghĩa nào sai? Tại sao?

- Giáo sinh đáp: Định nghĩa 1 sai, định nghĩa 2 đúng. Vì để xác định từ láy cần phải: xác định tiếng gốc (mang ý nghĩa từ vựng) và tiếng láy lại; lấy bộ phận hay lấy toàn phần của tiếng gốc; tiếng đi sau láy lại tiếng đi trước (ví dụ: đẹp đẽ); tiếng đi trước láy lại tiếng đi sau (ví dụ: bồi rối).

Tình huống 2: Dạy về Truyện cười của văn học dân gian Việt Nam trong học phần “Văn học - THSP Mầm non”:

\* Bước 1: Đặt tình huống có vấn đề cho giáo sinh tư duy phản biện.

- Giảng viên hỏi: Có ý kiến cho rằng: Có truyện cười hài hước (khôi hài) chỉ vào hiện tượng. Chẳng hạn, truyện chỉ ra những nhược điểm tự nhiên của con người như mù, què, điếc, ngọng, đãng trí, ngổ ngẩn, v.v... Truyện khôi hài gây cười bằng nhược điểm, khuyết tật của con người. Truyện có tính chất vui đùa, trêu chọc... Người ta buồn cười trước cảnh chồng điếc, vợ câm....

Bạn có suy nghĩ gì?

\* Bước 2: Dẫn dắt, gợi mở, đối thoại, đề xuất cách giải quyết.

- Giảng viên hỏi: Chúc năng cao nhất của văn học là gì?

- Giáo sinh đáp: Chúc năng cao nhất của văn học là Nhân đạo hóa.

- Giảng viên hỏi: Nhân đạo là gì?

- Giáo sinh đáp: Nhân đạo là đạo làm người. Bao gồm tất cả những gì thuộc về: yêu thương con người, đề cao con người, khẳng định con người, phát huy phát triển con người, bảo vệ con người. Những gì ngược lại là vô nhân đạo.

- Giảng viên hỏi: “(...) Truyện khôi hài gây cười bằng nhược điểm, khuyết tật của con người...”, cười trên đau khổ, bất hạnh của người khác, cái cười đó có văn hóa không? Có thuộc Truyện cười của văn học dân gian không? Các trung tâm nuôi dạy, đào tạo nghề cho HS khuyết tật sẽ suy nghĩ gì?

- Giáo sinh đáp: Cười trên đau khổ, bất hạnh của người khác, cái cười đó thiếu tính nhân đạo, không có văn hóa, và tất nhiên không thuộc Truyện cười văn học dân gian (văn hóa dân gian - folklore).

### **3. Tăng cường học tập cá thể và phối hợp với học tập hợp tác**

Theo tác giả Phó Đức Hòa trong “Dạy học tích cực”, Nxb ĐHSP Hà Nội, 2009, trao đổi về vấn đề này và người viết thống nhất trên những điểm sau:

- Nguyên tắc đảm bảo “tính vừa sức chung” và “tính vừa sức riêng” luôn được thực hiện trong quá trình dạy học; tri thức truyền tải phải nằm trong “vùng ngưỡng phát triển trí tuệ” của người học, tức là không quá thấp và không quá cao. Trong khi đó, trình độ nhận thức của người học trong một lớp là không đồng đều cũng như tư duy luôn có sự khác biệt. Do vậy, phải tính đến sự phân hóa về cường độ, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ học tập với các bài học được thiết kế thành một chuỗi các thao tác độc lập.

- Các bài tập, các tình huống sư phạm được thiết lập trong bài học phải tuân theo các nguyên tắc đảm bảo “tính vừa sức chung” và “tính vừa sức riêng”. Tính vừa sức chung đối với số đông người học (đại trà), còn tính vừa sức riêng đối với từng cá nhân người học.

- Việc sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin trong nhà trường sẽ góp phần đáp ứng yêu cầu cá thể hóa hoạt động học tập của người học.

- Trong quá trình dạy học, hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, hoạt động sáng tạo và thái độ cũng như chuẩn mực hành vi đều được hình thành bằng các hoạt động độc lập cá nhân. Giảng đường, lớp học, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng máy vi tính,... là môi trường giao tiếp sư phạm (vì không có giao tiếp là không có giáo dục và đào tạo - LTK), giao tiếp giữa người dạy với người học, giữa người học với nhau, giao tiếp giữa người dạy và người học với văn bản,... tạo nên mối quan hệ tương tác trong quá trình chiếm lĩnh nội dung bài học. Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, các giờ Seminar trên giảng đường, hội trường, ý kiến của mỗi cá nhân được bộc lộ, khẳng định hay bác bỏ, thể hiện nhận thức của từng người, từ đó, người học tự nâng trình độ của bản thân lên mức cao hơn. Như vậy thông qua việc học tập của từng cá nhân trong một tập thể, sự phối hợp học tập hợp tác cho thấy bài học được vận dụng vốn hiểu biết và kinh nghiệm của mỗi người học, của cả lớp, chứ không phải chỉ dựa trên nguồn tri thức của người dạy và các tài liệu học tập có liên quan.

- Trong các loại hình nhà trường hiện nay phương pháp học tập hợp tác được tổ chức theo nhóm đội, nhóm nhỏ (4 - 6 người), nhóm lớn hơn (8 - 10 người), theo lớp, các giờ Seminar,... Học tập hợp tác làm tăng hiệu quả và chất lượng của giờ học, đặc biệt khi phải giải quyết các vấn đề phức tạp, khó hiểu. Lúc này xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các thành viên trong nhóm để hoàn thành yêu cầu, nhiệm vụ chung đề ra. Trong hoạt động nhóm, các thành viên phải ý thức không nên ỷ lại; tính cách, năng lực tổ chức dần dần được bộc lộ; tình cảm bạn bè, tinh thần hỗ trợ được phát

huy,... Chính mô hình hợp tác này sẽ giúp cho các thành viên làm quen dần với sự phân công hợp tác trong đời sống xã hội.

- Đất nước ta đang hội nhập một cách mạnh mẽ vào nền kinh tế thị trường, có sự hợp tác trên nhiều lĩnh vực với các nước trên thế giới, vì vậy năng lực hợp tác phải trở thành nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường, chuẩn bị bước đường tương lai cho người học.

Nhân đây, người viết xin đề cập về vấn đề: Tổ chức dạy và học theo mô hình “Trường học mới” ở bậc học phổ thông. Về cơ sở lý luận và thực tiễn không có gì sai. Các nước có nền Giáo dục tiên tiến thực hiện thành công mỹ mãn. Nhưng khi áp dụng vào nước ta có nơi chưa tương thích và không khả thi. Trước thực trạng đó, nhiều tỉnh, thành phố buộc phải trở lại mô hình “Trường học cũ”. Xung quanh vấn đề này có nhiều nguyên nhân. Thiết nghĩ có hai nguyên nhân cốt yếu sau đây:

- Một là, thiếu tính hợp tác (hợp tác giữa các thành viên trong nhóm, hợp tác giữa các nhóm trong lớp với nhau,...);

- Hai là, vì tiền lương giáo viên không đủ trang trải, không đảm bảo cuộc sống, nên trong chừng mực nào đó người thầy “quên” vai trò người tổ chức hoạt động dạy và học trong suốt quá trình đứng lớp. Lúc đầu khi mô hình “Trường học mới” đưa ra lấy ý kiến thăm dò dư luận, khi đó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ (Bộ Giáo dục - Đào tạo) Bùi Mạnh Nhị trả lời với phóng viên Báo *Tuổi trẻ* về việc: Tiền lương thấp, giáo viên khó có thể hoàn thành nhiệm vụ tổ chức dạy và học theo mô hình “Trường học mới”.

#### **4. Giảng viên hướng dẫn SV tự học**

Theo tác giả Phó Đức Hòa trong “Dạy học tích cực”, vấn đề “Hướng dẫn SV tự học” được hiểu là giảng viên hướng dẫn cho SV biết phương hướng và cách thức tiến hành hoạt động tự học và người viết thống nhất trên một số điểm sau:

- Rèn luyện phương pháp tự học vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là cách thức, con đường của PPDH tích cực, không đi theo con đường cách dạy học truyền thống, mang tính nhồi nhét tri thức cho người học, mà tiếp cận với cách dạy học hiện đại là tự bản thân người học tìm kiếm, khám phá tri thức thông qua các kênh thông tin đa dạng khác nhau. Trong sự bùng nổ thông tin, xu thế dạy học truyền thống mang tính áp đặt tri thức từ phía người dạy không phát huy hiệu quả tích cực, thì phương pháp tự học được coi là phương pháp học tập cơ bản. Người học là một kênh tự thông báo các thông tin khác nhau, thu nạp từ nhiều nguồn và bước đầu tự xử lý, chọn lọc các đơn vị tri thức, nhằm phục vụ cho mục đích của bản thân.

- Chú trọng rèn luyện phương pháp tự học là tạo cho người học động cơ hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng, thói quen chú ý tự học để từ đó khơi dậy nội lực vốn có trong mỗi người, chất lượng và hiệu quả học tập sẽ được nâng cao.

Nhân đây, người viết xin trao đổi: Giảng viên hướng dẫn SV tự học về kiến thức chuyên ngành cụ thể phải là giảng viên giảng dạy

chuyên ngành đó. Điều này không đúng với Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018, lộ trình đang triển khai áp dụng: Đội ngũ giáo viên trước đây được đào tạo chuyên ngành giảng dạy một môn học, hiện nay phải dạy nhiều môn. Liệu giáo viên có đủ tự tin đứng lớp hay không? Chúng ta suy nghĩ gì về câu nói của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng: "... Thầy ra Thầy, Trò ra Trò..."?

Tóm lại, qua hoạt động thực tiễn sư phạm và bằng việc sử dụng một số nội dung nghiên cứu của tác giả Phó Đức Hòa trong "Dạy học tích cực" bài viết đã trình bày một số phương thức chính về tổ chức hoạt động dạy và học theo hướng phát triển năng lực cho HS - SV trên nền tương tác giữa Giáo dục và Đào tạo, vì Chiến lược Con người trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay. Nước Nhật phát triển như ngày hôm nay là nhờ đặt nền tảng Đổi mới giáo dục từ thời vua Minh Trị.

Thay lời kết luận người viết mượn lời Hiệu trưởng Viện Đại học Yale (Hoa Kỳ): "Cốt lõi của Giáo dục đại học là đào tạo khả năng tư duy phản biện và độc lập cho SV, đồng thời đặt nền tảng cho việc học suốt đời". □

---

### Chú thích

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam (giai đoạn 2006 - 2020)*.
2. Dự án đào tạo giáo viên THCS, số hiệu LOAN 1718 VIE (SF), (2003), *Tiếng Việt thực hành* - Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh - Tài liệu đào tạo giáo viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nxb Giáo dục.